

	HCMUS ID	AUT ID	Family Name	First name	Note
1	1159016	1325761	THAI GIA	HUNG	Cycle 5
2	1159047	1325869	NGUYEN QUANG SONG	TOAN	Cycle 5
3	1159011	1325871	DANG TRUNG	HIEU	Cycle 5
4	1159017	1325872	PHO KIEN	HUY	Cycle 5
5	1159032	1325874	TRAN DOAN HAI	PHONG	Cycle 5
6	1159028	1325876	NGHIEM TRI	LUAN	Cycle 5
7	1159019	1325880	TRAN CAM	HUY	Cycle 5
8	1159008	1325894	BUI HONG	DUC	Cycle 5
9	1159061	1325896	PHAN HOANG	TU	Cycle 5
10	1159056	1325907	LE HUYNH ANH	TUAN	Cycle 5
11	1159039	1325909	NGUYEN PHUOC NAM	SON	Cycle 5
12	1159045	1325912	NGUYEN DUY	THONG	Cycle 5
13	1159026	1325914	BUI NGOC LINH	LANG	Cycle 5
14	1159002	1325917	PHAM THIEN	AN	Cycle 5
15	1159003	1325927	NGUYEN LUONG	BAO	Cycle 5
16	1159044	1325929	LUONG HUU	THIEN	Cycle 5
17	1159009	1325943	TRINH HOANG	GIANG	Cycle 5
18	1159006	1325956	PHAM MANH	CUONG	Cycle 5
19	1159060	1325959	NGUYEN HOA TAM	TAM	Cycle 5
20	1159024	1325962	PHAN HOANG	LAM	Cycle 5
21	1159054	1325963	TRAN	TUAN	Cycle 5
22	1159004	1325965	NGUYEN THAI	BINH	Cycle 5
23	1159046	1325968	NGUYEN HIEU	THUAN	Cycle 5
24	1159027	1325972	TRAN TRUONG	LONG	Cycle 5
25	1159033	1325976	DONG TAN	PHUC	Cycle 5
26	1159021	1325983	NGUYEN BA	KHANG	Cycle 5
27	1159051	1325993	HUYNH NHAT	TRUONG	Cycle 5
28	1159031	1325994	VO TRIEU VY	PHONG	Cycle 5
29	1159013	1325995	NGUYEN MINH	HUNG	Cycle 5
30	1059041	1326004	NGUYEN TRAN	HUNG	Cycle 5
31	1359201	1326019	DAO DUC	DUNG	Cycle 5
32	1359202	1326013	LE TRUONG HAI	DANG	Cycle 5
33	1359203	1326015	NGUYEN PHUOC CAM	DUY	Cycle 5
34	1359204	1326009	NGUYEN TRUONG THIEN	PHUOC	Cycle 5
35	1359205	1326011	NGO THANH	LONG	Cycle 5
36	0969002	1326029	PHAM NHAT	BAO	Cycle 5
37	0969008	1326027	TRAN HOC	KHIEM	Cycle 5
38	0959039	1373412	NGUYEN XUAN	PHUONG	Cycle 5
39	1059047	1283039	LE QUAN	LOC	Cycle 5
40	0859013	1122885	PHAN TRUNG	TIN	Cycle 5
41	0959017	1140199	NGUYEN NHAT	KHAI	Cycle 3 (retake)
42	0959055	1140430	PHAM LE MINH	TUAN	Cycle 3 (retake)
43	0959001	1140551	PHAN HUY	ANH	Cycle 3 (retake)